

HIỆN ĐẠI HÓA XÃ HỘI VÀ SINH THÁI

LƯƠNG ĐÌNH HẢI, I. K. LIXIEV (đồng chủ biên). **Hiện đại hóa xã hội và sinh thái**. H.: Khoa học xã hội, 2008, 371 tr.

TRẦN THỊ HUYỀN
lược thuật

Cuốn sách gồm 10 bài nghiên cứu, 1 phụ lục và bài mở đầu của các học giả Việt Nam và Nga. Dưới đây là tóm tắt những luận điểm chính của cuốn sách này.

1-Quan niệm đồng tiến hoá

Ở ngưỡng cửa của thế kỷ XXI, văn minh nhân loại dường như đang đứng trước ngã ba. Các mô hình nhận thức, các định hướng giá trị, các nguyên tắc điều chỉnh hoạt động đã đạt đến giới hạn của chúng. Việc tìm kiếm những nguyên tắc, mô hình,

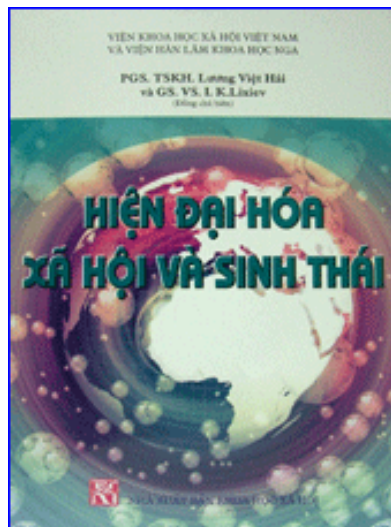
chuẩn mực mới càng thêm cấp thiết do tình thế khủng hoảng sâu sắc của văn hoá, bởi thảm trạng của quan hệ tự nhiên và xã hội, bởi sự khủng hoảng của các chuẩn mực, ý tưởng và các

nguyên tắc điều chỉnh trong khoa học, nghệ thuật, pháp luật và thế giới quan nói chung. Tuy vậy những ý tưởng, chuẩn mực, mô hình mới ấy dưới sức ép ngày càng tăng của thời đại chúng ta đang dần bị phân chia, thể hiện và khẳng định. Mô hình đồng tiến hoá

hiện đang là một mô hình nhận thức nổi bật thuộc dạng đó. Theo mô hình này, thế giới hiện ra như là một phức hợp các dây liên kết, phụ thuộc vào nhau, cùng tiến hoá.

Quá trình đồng tiến hoá với tư cách là sự phát triển liên kết cùng nhau của các hệ thống với những đòi hỏi tuyển chọn lẫn nhau đã được phát hiện và nghiên cứu từ rất lâu trong sinh học. Nhưng nó chỉ được xem như

là quá trình phụ, ngoại vi, chỉ dùng để giải thích các dạng quan hệ cộng sinh khác nhau mà thôi. Việc nhận ra được tính phổ quát của các quá trình đồng tiến hoá được bắt đầu dường như "từ



trên xuống", từ các quan hệ xã hội và tự nhiên, kỹ thuật và tự nhiên. Xuyên suốt toàn bộ lịch sử nhân loại là 2 đường hướng quan hệ con người và tự nhiên loại trừ lẫn nhau: chinh phục tự nhiên và hoà hợp với nó. Những bất lợi về sinh thái đang tăng dần hiện nay đã cho thấy rõ giới hạn của cả hai loại đường hướng này và người ta ngày càng thấy rõ rằng không thể chỉ dựa vào yếu tố công nghệ hoặc yếu tố tự nhiên. Phải tính đến sự tác động qua lại hữu cơ của chúng, sự liên hệ, phụ thuộc lẫn nhau, phải nhận thức rõ tính quy luật liên kết của chúng thì mới có thể có được đường hướng mới cho quan hệ con người, xã hội và tự nhiên.

Đường hướng đồng tiến hoá không giới hạn bởi tính quy luật cùng tiến hoá trong sự tác động qua lại chỉ của tự nhiên và xã hội. Tư tưởng đồng tiến hoá ngày càng trở thành tâm điểm của toàn bộ phương thức tiến hoá của tư duy. Nguyên tắc đồng tiến hoá là nguyên tắc phương pháp luận của các khoa học sinh học có khả năng vận dụng cho các khách thể tư tưởng, cho các lược đồ giải thích, các phương pháp nghiên cứu và nó cũng là nguyên tắc mới của văn hoá, cho phép thấu hiểu quan hệ qua lại của nhân loại với tự nhiên và kỹ thuật.

Đường hướng đồng tiến hoá tạo nên những triển vọng mới cho việc tổ chức tri thức hướng đến việc tìm kiếm các đơn tử phân tích mới và các phương thức nhận thức giới tự nhiên và kỹ thuật, thấu hiểu con đường cùng tiến hoá của tự nhiên, kỹ thuật và con người, tự nhiên, văn minh và văn hoá.

Cách tiếp cận thể hiện đường hướng đồng tiến hoá nhấn mạnh và làm sáng tỏ tính nhiều mặt của các quá trình độc lập, không hoà lẫn nhau, tính mở, tính dung nạp, tính chưa hoàn thiện, chưa được giải quyết trước, sự cùng tồn tại và liên quan đến nhau của các quá trình tiến hoá khác nhau nhưng vẫn có tính độc lập và đồng thời lại kết hợp với nhau thành một thể thống nhất ở trình độ cao hơn.

Tất cả những cái đó đặt cơ sở để giả định rằng mô hình nhận thức mới đồng tiến hoá, xuất hiện vào cuối thế kỷ XX, sẽ trở thành nguồn sức mạnh của các chương trình nghiên cứu mới, của triết học mới về tự nhiên, triết học mới về kỹ thuật, triết học mới về con người.

2- Phát triển bền vững và cách tiếp cận tri tuệ quyền

Hiện nay, quan điểm phát triển bền vững (Sustainable development) đang là quan điểm có xu hướng phổ biến hơn cả. Tuy nhiên cần phải có phương pháp luận nghiên cứu các vấn đề phát triển bền vững. Trước hết, chiến lược phát triển bền vững không thể dựa trên những quan niệm và giá trị chung, truyền thống, không thể dựa trên những khuôn mẫu tư duy về mục đích và tiêu chuẩn của hoạt động sống của con người như trước đây và hiện nay. Nó đòi hỏi phải có những cách tiếp cận khoa học mới, phù hợp không chỉ với hiện thực đương đại mà cả với triển vọng phát triển tương lai.

Các thực thể sống trên hành tinh tự chúng tạo nên môi trường nuôi dưỡng mình và bảo đảm cho tính bền vững của môi trường ấy, cũng như tạo

nên những điều kiện tối ưu cho sự tồn tại của chúng. Nghĩa là sự ổn định của sinh quyển được đảm bảo bởi cả cộng đồng tự nhiên của nó. Con người có thể sống trong sự phù hợp với các quy luật hoạt động và tiến hoá của sinh quyển. Sự tồn tại của nền văn minh và bước quá độ sang phát triển bền vững đòi hỏi phải tính đến các quy luật sinh quyển và những giới hạn của nó, và sự sống, con người như là một dạng được sinh ra bởi sinh quyển của hành tinh chúng ta.

Cách tiếp cận sinh thái - sinh quyển như nói ở trên cần phải được thay thế cho quan niệm của cải - thực dụng hiện nay đang đưa nhân loại đi gần đến thảm hoạ sinh thái. Phải thay thế việc tiêu diệt các hình thức sống khác bằng việc cùng chung sống, giữ gìn nhân loại và các sinh thể tự nhiên, giữ gìn nền văn minh và sinh quyển. Phải xem giới tự nhiên không phải như là một cái thụ động, bên ngoài, chịu sự tác động của con người mà là như một dạng hoạt động tích cực, tạo nên tác động qua lại tự nhiên - xã hội, có giới hạn, thông qua các giới hạn sinh thái. Cách tiếp cận như vậy là cách tiếp cận tự nhiên - xã hội. Nó xem xét con người, xã hội, tự nhiên và hệ thống kinh tế-xã hội như một hệ thống tự nhiên - xã hội hay xã hội - sinh thái. Hơn thế nữa, khi thêm vào đó những định hướng mục tiêu - dự báo nó trở thành cách tiếp cận hệ thống ở trình độ cao hơn, đó là cách tiếp cận trí tuệ quyền - tương lai học.

Phát triển bền vững dựa trên cơ sở cách tiếp cận đó đòi hỏi phải có những biến đổi căn bản trong thế giới quan,

trong các cách giải quyết, trong các hướng ưu tiên, các chuẩn mực đạo đức và các loại chuẩn mực khác, cũng như trong các hình thức lý tính khác nhau. Thêm vào đó, những biến đổi đó sẽ phải mang tính chất vừa tự nhiên - xã hội, vừa là toàn cầu với sự tham gia tích cực của các lĩnh vực khoa học tự nhiên "tổng hợp" và các tri thức xã hội - nhân văn được sinh thái hoá.

Việc sử dụng cách tiếp cận trên sẽ đưa đến những kết quả độc đáo. Chẳng hạn trong kinh tế cách tiếp cận tự nhiên - xã hội sẽ làm cho cuộc thảo luận về tính hiệu quả của cơ chế kế hoạch hoá và cơ chế thị trường, sở hữu tư nhân và xã hội giảm ý nghĩa và giá trị của chúng, hoặc trong tương lai, không phải chủ yếu là chiến lược sinh thái của nhà nước phụ thuộc vào thiết chế chính trị của nó mà chủ yếu là tình thế sinh thái sẽ tạo dựng thiết chế đó. Nếu như trước đây không tồn tại chức năng quản lý sự phát triển của nền văn minh ở quy mô toàn cầu, thì ngày nay nó phải xuất hiện, và các thiết chế quốc gia - quốc tế - toàn cầu sẽ phải thực hiện các chức năng đó, v.v...

3- Tư duy mới

Bắt đầu từ những năm 1970 của thế kỷ XX những tiếng nói cảnh tỉnh nhân loại về nguy cơ thảm hoạ sinh thái đã bắt đầu vang lên dồn dập và gay gắt với nhịp độ và quy mô ngày càng mạnh mẽ và rộng lớn. Người ta đã bắt đầu nhận thấy không phải chỉ tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, mà điều quan trọng hơn, bản thân sự tồn tại của xã hội và loài người, của nền văn minh nhân loại bắt đầu bị sinh

thái đe dọa. Những vấn đề sinh thái đang và sẽ ngăn chặn bước tiến hiện đại hóa xã hội của nhân loại ngày càng quyết liệt hơn. Một số phương án kìm hãm và ngăn chặn nguy cơ thảm họa sinh thái đã được nêu ra với tính cách là những mô hình lý luận - phương pháp luận chung, toàn cầu, để giải quyết mối quan hệ giữa hiện đại hoá xã hội và sinh thái đã được nêu ra: giới hạn sự tăng trưởng hay phát triển kinh tế có giới hạn, trở về với tự nhiên hay sử dụng các công nghệ sản xuất khép kín, tạo dựng trí tuệ quyền hay xây dựng cơ chế hợp tác và chế tài chung ở quy mô toàn cầu, phát triển bền vững hay đồng tiến hoá, v.v...

Tuy nhiên, dù là mô hình nào thì các nhà lý luận trên thế giới đều thống nhất khẳng định rằng những chuẩn mực, những nguyên tắc, những định hướng, những giá trị, mô hình quan hệ của con người trong tiến trình hiện đại hoá xã hội với sinh thái đã được hình thành trong quá khứ và đang được sử dụng trong thời đại ngày nay là không còn phù hợp. Vấn đề không phải chỉ là ở chỗ chúng đã cạn kiệt khả năng vận dụng, như một số tác giả quan niệm, mà hơn thế nữa, vấn đề là ở chỗ nếu tiếp tục sử dụng chúng nguy cơ thảm họa sinh thái sẽ càng gần hơn, càng khốc liệt hơn đối với nhân loại.

Vấn đề chủ yếu đặt ra cấp bách hiện nay nhằm loại trừ nguy cơ thảm họa sinh thái không phải chỉ là ở việc tạo ra những mô hình lý luận - phương pháp luận như đã và đang diễn ra trong thời gian hơn 3 thập kỷ vừa qua. Vấn đề chủ yếu và then chốt nhất là phải tạo dựng được một tư duy mới để

thay đổi cung cách ứng xử của con người, của xã hội đối với sinh thái trong phát triển kinh tế, hiện đại hoá xã hội. Tư duy mới được nói ở đây đương nhiên sẽ được hình thành trên cơ sở thực tiễn của đời sống xã hội loài người và dựa trên những tiền đề xác định. Những tiền đề đó đã xuất hiện trên quy mô toàn cầu và được thể hiện trên nhiều phương diện và ở những quy mô khác nhau. Đó là những tiền đề về chính trị - xã hội, về khoa học, kỹ thuật và công nghệ, về kinh tế - xã hội, về các phương tiện hạ tầng kinh tế (về quá trình toàn cầu hoá, mạng thông tin, các phương tiện nghe nhìn...). Hội nghị của Liên Hợp Quốc về môi trường và phát triển vào năm 1992 ở Rio de Janeiro, Brazil, với sự tham gia của 179 nước là một biểu hiện cho thấy tính chất cấp bách của vấn đề cũng như điều kiện, khả năng và tiền đề mới cho việc tạo lập một thái độ ứng xử mới với giới tự nhiên, với sinh quyển của con người và cộng đồng quốc tế đã bắt đầu xuất hiện.

Nội dung của tư duy mới sẽ bao gồm nhiều yếu tố khác nhau. Tuy nhiên, hiện nay chưa thể vạch ra một cách đầy đủ nội dung của nó mà mới chỉ có thể là những nét phác thảo tổng quan đầu tiên. Trong nội dung của nó sẽ không chỉ có các yếu tố hợp lý của các mô hình lý luận - phương pháp luận đang có hiện nay như trí tuệ quyền, phát triển bền vững, đồng tiến hóa, v.v... Tư duy mới sẽ tạo nên những cách tiếp cận mới đối với tất cả các vấn đề của đời sống thực tiễn của cộng đồng quốc tế và giúp cho việc giải quyết các vấn đề ấy thích ứng hơn,

phù hợp hơn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện sinh thái trong giai đoạn hiện nay. Tổng hợp các ý kiến khác nhau trong các tài liệu đã công bố, tại thời điểm hiện nay có thể vạch ra một số nội dung đại thể của tư duy mới như sau:

- Vấn đề sống còn hay vấn đề tồn tại của cộng đồng được xem là nền tảng của tư duy mới. Lợi ích bộ phận quốc gia, dân tộc, tập đoàn, cá nhân được tính đến như một yếu tố cấu thành và đứng sau hoặc cùng lắm đứng ngang hàng, chứ không đứng trên lợi ích chung, toàn nhân loại. Vị thế ưu trội của lợi ích chung, toàn nhân loại phải luôn luôn được đảm bảo.

- Lợi ích của thế hệ hiện tại được đặt trong tổng thể lợi ích chung với các thế hệ mai sau như một bộ phận đứng hàng đầu, thậm chí đứng trước cả lợi ích hiện tại. Trong sự kết hợp hài hòa lợi ích các thế hệ hiện tại và tương lai thì phải ưu tiên lợi ích tương lai trong những chừng mực hợp lý. Nguyên tắc công bằng và bình đẳng cần được chú trọng nhiều hơn trong lĩnh vực sinh thái và trong quan hệ giữa hiện đại hóa xã hội và sinh thái.

- Tầm bao quát vấn đề của tư duy mới không thể dừng lại ở mức độ quốc gia, khu vực, càng không thể là ở mức cá nhân, địa phương nhỏ hẹp mà phải là ở tầm toàn cầu, và gắn chặt với các vấn đề toàn cầu của nhân loại. Nó được nảy sinh trước hết là nhằm đáp ứng nhu cầu giải quyết các vấn đề toàn cầu.

- Tư duy mới nhìn nhận con người và xã hội không phải là chúa tể của tự

nhiên, đứng trên tự nhiên, đứng ngoài, thống trị và đối lập với sinh quyển mà chỉ là một bộ phận trong chuỗi chu trình sinh thái của tự nhiên mà thôi.

- Tiến hoá của loài người không chỉ là đồng tiến hoá với sinh thái mà chỉ có thể có được khi có sự tiến hoá của sinh thái, nên không thể phá hoại sinh thái. Cách tiếp cận sinh thái hoá các vấn đề của xã hội và con người là một trong những nội dung then chốt của tư duy mới.

- Phát triển bền vững, công nghệ khép kín hay trí tuệ quyển chỉ là một trong nhiều sản phẩm của tư duy mới, là những biểu hiện đơn lẻ của nó, mặc dù những nguyên tắc của chúng là một trong những yếu tố cấu thành quan trọng, cơ bản của tư duy mới. Nguyên tắc đồng tiến hoá sẽ là một trong những nguyên tắc căn bản của tư duy mới, đang được gọi với những tên gọi khác nhau, như tư duy sinh thái quyển, tư duy trí tuệ quyển, tư duy đồng tiến hóa, v.v ...

4- Bảo vệ và cải thiện sinh thái

Trước đến nay người ta thường nói nhiều đến việc giữ gìn, bảo vệ môi trường. Điều đó đúng nhưng không còn đầy đủ trong thời đại ngày nay. Để giảm dần nguy cơ khủng hoảng sinh thái, vấn đề đặt ra không chỉ là giữ gìn, bảo vệ, mà là cải thiện, làm tốt thêm sinh thái. Cải thiện sinh thái là một trong những đòi hỏi cấp bách, một trong những nội dung cơ bản của hiện đại hoá xã hội trong thời đại ngày nay. Đây cũng là một trong những nội dung căn bản, là bước phát triển triệt để và nhất quán của quan niệm đồng tiến hóa và trí tuệ quyển.

Dùng mọi phương tiện và điều kiện, dành các nguồn lực cần thiết trong phát triển kinh tế, xã hội cho việc cải thiện sinh thái, tính toán đầy đủ đến việc cải thiện sinh thái trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của các quốc gia là phương thức có hiệu quả giảm thiểu nguy cơ sinh thái để từng bước đi đến giải quyết chúng trong tương lai. Nhưng điều này lại đòi hỏi cộng đồng các quốc gia cũng như các tổ chức quốc tế phải có những chế tài mạnh, đủ hiệu lực để buộc các quốc gia, các chủ thể xã hội phải tuân thủ thực hiện phương thức này. Hiện nay các quốc gia cũng như các tổ chức quốc tế mới chỉ có những quy định, hiệp định, tuyên bố, cam kết,... nhưng lại chưa có được những chế tài có hiệu lực mạnh để giữ gìn và bảo vệ sinh thái, còn những chế tài để cải thiện sinh thái lại càng yếu và thiếu nghiêm trọng. Nước Mỹ không phê chuẩn Nghị định thư Kyodo là một minh chứng điển hình. Các doanh nghiệp, công ty trong các quốc gia vẫn tìm cách lảng tránh các nghĩa vụ về giữ gìn, bảo vệ và cải thiện sinh thái là những bằng chứng cụ thể.

5- Văn hóa sinh thái

Sinh thái là toàn bộ những mối quan hệ kỳ diệu mà tất cả các động, thực vật, năng lượng và vật chất ảnh hưởng qua lại đối với nhau tại nơi diễn ra sự sống của chúng. Nếu như văn hoá là toàn bộ thể giới Người, là tất cả những giá trị xã hội do con người tạo nên để phục vụ cho tiến bộ xã hội, thì văn hoá sinh thái là toàn bộ những giá trị văn hoá xã hội được thể hiện trong thái độ đối xử, trong hành vi tác động và cải biến thiên nhiên nhằm tạo ra

môi trường sống phù hợp, đáp ứng nhu cầu sống lành mạnh, phát triển và tiến bộ của con người. Tiếp cận văn hóa đối với sinh thái có nghĩa là khi giải quyết bất cứ vấn đề nào có liên quan đến môi trường đều phải đứng trên lập trường văn hóa, nhân văn. Xã hội chưa thể được xem là tiến bộ nếu sinh thái chưa được bảo vệ, cải thiện. Khi mà con người và xã hội đang đối xử không văn hóa với sinh thái thì xã hội đó còn thiếu tính nhân văn và nhất định sẽ bị sinh thái ngăn trở sự phát triển tiếp theo, thậm chí bị sinh thái "trả thù". Tính chất văn hóa, nhân văn trong quan hệ với sinh thái là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ tiến bộ xã hội.

Văn hóa sinh thái bao gồm nhiều vấn đề. Những vấn đề văn hoá sinh thái là những vấn đề hệ trọng, chúng vừa có tầm bao quát, vừa có chiều sâu xã hội rất phức tạp; có những vấn đề dường như nghịch lý và mâu thuẫn luôn đặt ra cho chúng ta suy nghĩ, đối phó và giải quyết. Trong thực trạng hiện nay, một số vấn đề sinh thái lớn và bức xúc đang đặt ra mà từ góc nhìn văn hoá cần tập trung nghiên cứu, đối phó và tìm cách giải quyết, đó là:

Thứ nhất, vấn đề về sự thống nhất thế giới và mục tiêu của sự tồn tại và phát triển của loài người.

Thứ hai, nghịch lý giữa lịch sử phát triển xã hội loài người với lịch sử tiến hoá sinh thái.

Thứ ba, sự lựa chọn tối ưu - thực hiện sự đồng tiến hoá giữa con người và sinh thái. Đồng tiến hoá giữa con người và thiên nhiên là quan niệm hợp lý có tính tổng quát và cơ bản của văn hoá sinh thái trong việc giải quyết những

mâu thuẫn và nghịch lý của quá trình phát triển xã hội và thiên nhiên. Đây chính là quan điểm về khả năng lựa chọn tổng hợp chứ không chỉ là những dự báo riêng rẽ, cục bộ, tình thế.

Thứ tư, cùng với nguyên tắc đồng tiến hoá là ý thức và hành vi thực hiện nội cân bằng, bảo đảm sự tự cân bằng bên trong của sinh thái. Nội cân bằng phải được quan niệm như phạm trù trung tâm của văn hoá sinh thái học tổng thể.

Thứ năm, xã hội tiêu thụ - kinh tế dịch vụ phát triển cũng là một vấn đề văn hoá sinh thái cơ bản. xã hội càng văn minh thì nhu cầu văn hoá dịch vụ càng nâng cao và đa dạng như là điều kiện phát triển con người. Nhưng mặt trái do văn hoá dịch vụ đem lại cũng vô cùng to lớn và tai hại. Đây là một nghịch lý của văn hoá sinh thái. Toàn cầu hoá làm cho những vấn đề nêu trên không chỉ hạn hẹp trong các nước nghèo mà trở thành vấn đề toàn cầu. Giải quyết mâu thuẫn này cũng phải là vấn đề toàn cầu, trong đó Liên Hợp Quốc có vai trò đặc biệt - tạo điều kiện nâng cao văn hoá sinh thái cho người dân ở các nước nghèo ngay trong điều kiện kinh tế-xã hội còn thấp bằng mục tiêu trước tiên là nâng cao mức sống và dân trí của con người.

Thứ sáu, đối với những nước nông nghiệp lạc hậu thì vấn đề văn hoá sinh thái lại có những khía cạnh nan giải riêng. Trình độ văn hoá nói chung, văn hoá sinh thái nói riêng của mỗi quốc gia bao giờ cũng phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, xã hội. Do đó, những vấn đề văn hoá sinh thái phức

tạp hay đơn giản cũng do điều kiện sống quy định. Những vấn đề văn hoá sinh thái nêu trên cũng là những vấn đề bức xúc của các nước nông nghiệp nghèo. Những vấn đề nêu trên không thể chỉ giải quyết bằng sự điều chỉnh của hoạt động khoa học, kỹ thuật, công nghệ mà điều quan trọng hơn là vấn đề văn hoá. Trình độ khoa học - kỹ thuật - công nghệ phục vụ nông nghiệp có thể nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế cây trồng, vật nuôi, môi trường thiên nhiên và môi trường sống của nhân dân. Nhưng văn hoá sinh thái là vấn đề khó khăn, vì nó nằm ở tầng cao hơn của lối sống thường ngày; người nông dân chủ yếu chỉ quan tâm đến việc phát triển cây trồng, vật nuôi, tăng năng suất và hiệu quả kinh tế. Người ta không quan tâm đến việc làm thế nào để vừa có kết quả kinh tế, vừa bảo đảm môi sinh, sinh thái. Lối sống tiểu nông với các phong tục tập quán lạc hậu, thiếu tổ chức kỷ luật sinh thái, tầm nhìn hạn hẹp, chỉ thấy lợi trước mắt, không thấy hại lâu dài cũng là nguyên nhân làm tổn hại sinh thái. Đây là vấn đề văn hoá sinh thái được đặt ra không chỉ cho những nước nông nghiệp nghèo mà cho cả cộng đồng quốc tế.

Cuốn sách là công trình hợp tác đầu tiên của thế hệ mới các nhà nghiên cứu ở Viện Triết học Việt Nam với các nhà triết học Nga, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn. Cuốn sách là tài liệu tham khảo hữu ích cho những nhà nghiên cứu trong lĩnh vực hiện đại hóa xã hội và sinh thái, cho những ai quan tâm đến vấn đề này nói chung.